TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2023/HC-PT
Ngày: 15/3/2023
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 246/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do bản án hành chính sơ thẩm số 91/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 779/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1959; bà Đào Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 8, xã H, thành phố B, Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1985; trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Y – Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn T – Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Lê Ngọc P trình bày:*

Gia đình ông bị thu hồi đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ, thành phố B (gọi tắt là *"Quyết định số 710/QĐ-UBND,* Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND Tp B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (Đợt 9) (gọi tắt là *"Quyết định Số 712/QĐ-UBND)* ; Thông báo số 15/TB-TTPTQĐ ngày 14/02/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, xã H, TP. B của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (gọi tắt là *"Thông báo số 15/TB-TTPTQĐ"* và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên, các Quyết định về thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ của các cơ quan nhà nước khi thu hồi đất không thỏa đáng, có sai sót, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống, quyền lợi hợp pháp của gia đình ông; Cụ thể như sau:

- Về căn cứ và phương pháp tính giá đất bồi thường:

Giá đất bồi thường khi thu hồi đất trong dự án này quá thấp, không chính xác, có sự sai sót trong các căn cứ, phương án bồi thường: Căn cứ để UBND Tp B ra Quyết định số 710/QĐ-UBND và Quyết định số 712/QĐ-UBND là dựa trên *Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B,* trong khi Quyết định này có những sự sai sót. Vì theo Điều 18 Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Khoản 1, Điều 4 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nhà nước thu hồi

đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk, thì các cơ quan có thẩm quyền phải khảo sát giá đất trên thị trường, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương và bảng giá đất tại thời điểm thu hồi để làm căn cứ tính hệ số điều chỉnh giá. Tuy nhiên *Quyết định số 1600/QĐ-UBND* không áp dụng quy định nêu trên mà lại so sánh giữa giá đất nhà nước giai đoạn năm 2014-2016 theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk (Quyết định này đã hết hiệu lực) với giá đất nhà nước giai đoạn 2020- 2024 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024.

Như vậy, căn cứ, phương pháp xác định giá đất tại Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 là sai so với quy định pháp luật. Từ đó dẫn đến Quyết định số 710/QĐ-UBND và Quyết định số 712/QĐ-UBND và Bảng tính kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông không chính xác. Đơn giá bồi thường đất ở là 13.020.000 đồng/m^2, đất cây lâu năm trong cùng thửa đất chỉ có 2.200.200 đồng/ m^2. Như vậy giá đất bồi thường là quá thấp so với giá trị thật và giá thị trường của khu vực. Điều này làm cho gia đình ông hết sức khó khăn trong viêc mua đất sinh sống, làm ăn ở nơi khác trong Tp B khi mà giá đất những năm qua đang tăng cao.

- Sai về diện tích đất còn lại:

T diện tích đất của gia đình ông là 964 m^2, phần diện tích bị thu hồi là 483,5 m^2, như vậy phần diện tích đất còn lại là: 480,5m^2. Thế nhưng trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xác nhận diện tích đo đạc là 704,8m^2, dẫn đến diện tích đất còn lại chỉ còn là 221,3m^2.

Quyết định số 710/QĐ-UBND không bồi thường cho gia đình ông 20,2m^2 đất với lý do lấn chiếm chỉ giới đường giao thông. Nhưng điều này là hoàn toàn sai. Vì mảnh đất này sử dụng từ xưa đến nay, đã được công nhận diện tích vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, QL 27B cũ mở rộng và tự quy định chỉ giới/hành lang vào đất ông chưa bồi thường. Sau khi mở rộng, Nhà nước tự quy định chỉ giới, hành lang đường bộ vào phần đất của gia đình ông. Như vậy ông không lấn chiếm chỉ giới đường giao thông. Theo quy định của Điều 75 Luật Đất đai 2013, diện tích đất 20,2 m^2 của gia đình ông đủ điều kiện được bồi thường.

Do đó cần hủy bỏ Quyết định số 710/QĐ-UBND và Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 để ban hành quyết định mới ghi nhận đúng diện tích đất được bồi thường và số tiền bồi thường

- Bồi thường tài sản trên đất:

Việc kiểm kê, đo đạc được thực hiện từ năm 2015 nhưng lại được sử dụng cho việc thu hồi và bồi thường năm 2022 là không đúng. Mặt khác kiểm kê, đo đạc còn thiếu tài sản của gia đình ông là 90,6 m^2 sân bê tông. Việc định giá và tính khấu hao nhà ở, công trình xây dựng, cây cối trên đất không có tiêu chí định giá, mang tính chủ quan, giá của mỗi loại tài sản quá thấp so với giá trị thực hiện

nay. Giá trị toàn bộ nhà ở, công trình xây dựng, cây cối của gia đình tôi chỉ có khoảng 495 triệu đồng là quá thấp so với giá trị thật. Nhà ở, công trình xây dựng trên đất theo Điều 13 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường 100% giá trị xây mới và việc xác định giá này phải có Hội đồng thẩm định theo quy định. Nhưng trong các quyết định hiện nay không nêu cơ sở và biên bản xác định giá. Trong bảng tính bồi thường nhiều công trình xây dựng phục vụ ở và sinh hoạt như: sân xi măng, mái hiên, tường rào chỉ tính giá trị 60% so với xây mới là không đúng quy định.

- *Các khoản hỗ trợ khác:*

Tái định cư: Trong Quyết định số Quyết định số 710/QĐ-UBND và Quyết định số 712/QĐ-UBND không nêu về giao đất tái định cư cho gia đình tôi. Theo quy định của Luật Đất đai, khi thu hồi đất của người dân phải có phương án bố trí chỗ ở tái định cư cho gia đình người bị thu hồi đất. Như vậy các quyết định nêu trên không quy định tái định cư là không đúng và sai sót.

Từ những căn cứ trên cho thấy, quá trình thu hồi đất và ra quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông là có sai sót, không đúng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi.

Do đó, ông kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết các yêu cầu hủy bỏ các quyết định hành chính sau:

+ Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ so điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B (Gọi tắt là Quyết định 1600);

+ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ, thành phố B (Gọi tắt là Quyết định 710);

+ Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND Tp B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (Đợt 9) (Gọi tắt là Quyết định 712).

Buộc UBND các cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định mới theo hướng:

+ Sử dụng căn cứ, phương pháp điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B đúng và phù hợp, nâng hệ số để phù hợp với giá trị thật, giá thị trường của đất và tài sản bị thu hồi hơn.

+ Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và tài sản với giá trị cao hơn cho chúng tôi, đúng với giá trị thật và giá thị trường.

+ Ghi nhận đúng diện tích trong giấy chứng nhận và diện tích đất còn lại của chúng tôi. Bồi thường thêm phần diện tích đất 20,2 m^2 đã được cấp giấy

chứng nhận và đủ điều kiện bồi thường.

+ Bổ sung các tài sản còn thiếu sót, định giá trị mới 100% cho các công trình của tôi theo như quy định.

** Người khởi kiện ông Đ trình bày:*

Ông là chủ sử dụng đất và là người bị thu hồi đất tại số 02 T, xã Hoà T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, căn cứ theo Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ, thành phố B số 708/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 (gọi tắt là "Quyết định số 708/QĐ-UBND") của UBND thành phố B; Thông báo về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất số 15/TB- TTPTQĐ ngày 14/02/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (gọi tắt là "Thông báo số 15/TB-TTPTQĐ") và các giấy tờ liên quan. Tuy nhiên các Quyết định về thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ của các cơ quan nhà nước khi thu hồi đất không thỏa đáng, có sai sót, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống, quyền lợi hợp pháp của gia đình ông. Cụ thể như sau**.**

- Về căn cứ và phương pháp tính giá đất bồi thường

Giá đất bồi thường khi thu hồi đất cho chúng tôi trong dự án này quá thấp, không chính xác, có sự sai sót trong các căn cứ, phương án bồi thường. Căn cứ để UBND Tp B ra Quyết định số 708/QĐ-UBND và Thông báo số 15/TB-TTPTQĐ là dựa trên Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B, trong khi Quyết định này có những sự sai sót. Vì theo Điều 18 Nghị định số 44/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Khoản 1, Điều 4 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11//2014 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk, thì các cơ quan có thẩm quyền phải khảo sát giá đất trên thị trường, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương và bảng giá đất tại thời điểm thu hồi để làm căn cứ tính hệ số điều chỉnh giá. Tuy nhiên Quyết định số 1600/QĐ-UBND không áp dụng quy định nêu trên mà lại so sánh giữa giá đất nhà nước giai đoạn năm 2014-2016 theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đăk Lăk (Quyết định này đã hết hiệu lực) với giá đất nhà nước giai đoạn 2020-2024 theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đăk Lăk giai đoạn 2020-2024. Như vậy, căn cứ, phương pháp xác định giá đất tại Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 là sai so với quy định pháp luật. Từ đó dẫn đến Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND Tp. B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đế xây dựng công trình đường Đ, thành phố B địa bàn xã H, thành phổ B (đợt 9), kèm theo Thông báo số 15/TB-TTPTQĐ và Bảng tính kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho chúng tôi không chính xác. Đơn giá bồi thường đất ở

tại mặt tiền đường chúng tôi là 13.020.000 đồng/m^2, đất cây hàng năm trong cùng thửa đất chỉ có 2.199.750 đồng/ m^2 Trong khi giá đất mà ngân hàng thẩm định cho tuyến đường T đoạn này đã là 22.000.000 - 33.000.000 đồng/ m^2, giá thị trường còn cao hơn nhiều. Như vậy giá đất bồi thường cho chúng tôi là quá thấp so với giá trị thật và giá thị trường của khu vực. Điều này làm cho gia đình chúng tôi hết sức khó khăn trong việc mua đất sinh sống, làm ăn ở nơi khác trong Tp B khi mà giá đất những năm qua và đang tăng cao.

- Sai về diện tích đất không được bồi thường:

Quyết định số 708/QĐ-UBND không bồi thường cho chúng tôi 78,6 m^2 đất cùng với tài sản trên đất với lý do lấn chiếm chỉ giới đường giao thông. Nhưng điều này là hoàn toàn sai. Vì mảnh đất của chúng tôi sử dụng từ năm 1991 đến nay có diện tích 10,5m ngang X 53m sâu = 556,5 m^2 . Vào năm 2005, QL 27B cũ mở rộng lấn vào đất chúng tôi 32 m^2 chưa bồi thường. Sau khi mở rộng, Nhà nước tự quy định chỉ giới, hành lang đường bộ vào phần đất tôi. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi nhận phần đất này cho tôi. Như vậy Nhà nước mở rộng đường lấn chiếm vào đất chúng tôi chứ chúng tôi không lấn chiếm chỉ giới đường giao thông. Theo quy định của Luật Đất đai 2013, diện tích đất 556,5 m^2 của chúng tôi (bao gồm 78,6 m^2 chỉ giới đường giao thông theo Quyết định số 708/QĐ-UBND) đủ điều kiện được bồi thường. Do đó cần hủy bỏ Quyết định số 708/QĐ-UBND để ban hành quyết định mới ghi nhận đúng diện tích đất và tài sản được bồi thường cho chúng tôi.

- Sai về kiểm kê, đo đạc tài sản:

Việc kiểm kê, đo đạc được thực hiện từ năm 2015 nhưng lại được sử dụng cho việc thu hồi và bồi thường năm 2022. Việc kiểm đếm, đo đạc còn bỏ sót nhiều tài sản của chúng tôi như: gạch lát nền, sân bê tông, nhà bếp của nhà thứ 3...từ đó dẫn đến việc Quyết định số 712/QĐ-UBND và Quyết định số 708/QĐ-UBND số bị sai

- Bồi thường tài sản trên đất sai sót, không có tiêu chí và giá thấp:

Việc định giá và tính khấu hao nhà ở, công trình xây dựng, cây cối trên đất không có tiêu chí khấu hao, mang tính chủ quan, giá của mỗi loại tài sản quá thấp so với giá trị thực hiện nay của tài sản. Nhiều tài sản trên đất chỉ được tính còn có 60% so với xây dựng mới và áp với giá rất thấp.

Trong khi nhà ở và tài sản khác của chúng tôi mặc dù không phải xây mới nhưng vẫn được sửa chữa, tái cơ cấu hàng năm và vẫn đang sử dụng tốt. Ngoài ra theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đăk Lăk thì "Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo đơn giá nhà xây dựng mới do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi (Nhà ở, công trình của chúng tôi

phải tháo dỡ toàn bộ).

- *Về tái đinh cư:*

Tái định cư: Trong *Quyết định số 708/QĐ-UBND* và *Thông báo số 15/TB-TTPTQĐ,* không nêu về giao đất tái định cư cho gia đình tôi, trong khi đó gia đình tôi bị thu hồi hết nhà đất mà không còn nhà nào khác trong cùng xã. Theo quy định của Luật Đất đai, gia đình tôi sẽ được suất tái định cư vì trong dự án này có quỹ đất tái định cư. Như vậy các quyết định nêu trên không hỗ trợ suất tái định cư cho gia đình tôi là không đúng và sai sót, nay ông đã được UBND thành phố B đã cấp quyết định tái đinh cư cho ông nên ông xin rút yêu cầu này.

Do đó, hai ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

Hủy bỏ các quyết định sau:

+ Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B.

+ Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND Tp. B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, thành phố B địa bàn xã H, thành phố B (đợt 9);

+ Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Đ, thành phố B số 708/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 (Gọi tắt là Quyết định 708).

Buộc UBND các cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định mới theo hướng:

+ Sử dụng căn cứ, phương pháp điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B đúng và phù hợp, nâng hệ số để phù hợp với giá trị thật, giá thị trường của đất bị thu hồi hơn;

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất với giá trị cao hơn cho chúng tôi.

+ Buộc bồi thường thêm diện tích 111,2 m^2 đất còn thiếu cho chúng tôi, bao gồm 78,6 m^2 đất nằm trong chỉ giới và diện tích còn lại bị mất do mở đường rộng QL 27B cũ trước đây.

+ Nâng giá trị bồi thường nhà gác lửng thành 100% và giá trị các tài sản khác.

** Tại bản tự khai ông Y - đại diện theo ủy quyền người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017

của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư 87/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, với thành phần hồ sơ để ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND gồm có:

- Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 19/4/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

- Báo cáo Thuyết minh số 131/BC-UBND ngày 19/4/2021 của UBND thành phố B về việc xác định điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

- Phương án giá đất số 45/PAGĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B.

- Công văn số 1297/STNMT-QLĐĐ ngày 24/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất đế tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo đề nghị của thành phố B.

- Báo cáo Thẩm định số 1641/HĐTĐGĐ ngày 14/6/2021 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc thẩm định phương án giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, xã H, thành phố B.

- Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 21/6/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

Việc ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 đã đúng theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Giá đất áp dụng để tính tiền bồi thường về đất được phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-UBND được căn cứ theo kết quả điều tra, khảo sát giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường do các phòng ban chuyên môn của UBND thành phố B phối hợp với UBND xã H thực hiện vào thời điểm tháng 3 năm 2021.

Hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H) ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ- UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk được tính trên giá đất theo quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh phù hợp với kết quả điều tra khảo sát giá đất thị trường.

** Tại bản tự khai ông Lê Đại T - đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:*

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Công văn số 190/UBND-CN ngày 15/01/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải phóng mặt bằng công trình đường giao thông từ ngã ba Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng đến Cảng hàng không B;

Căn cứ Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Đ thành phố B;

Căn cứ Công văn số 33/TTg-KTTH ngày 08/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc vốn thực hiện dự án tuyến đường trục Đông - Tây TP B, tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-UBND, ngày 07/4/2015 của UBND thành phố B "Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường GPMB để triển khai dự án: Đường Đ thành phố B và Tiểu dự án B - Dự án phát triển các thành phố loại 2 Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk;

Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 9/7/2015 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phạm vi xây dựng công trình Đường Đ, thuộc địa bàn thành phố B

Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H);

Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đê xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B.

Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông Trần Quang Đ và bà Đào Thị N để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B.

Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thị C để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B;

2. Đối với đơn khởi kiện của ông Trần Quang Đ và ông Lê Ngọc P: Khởi kiện hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ tại Quyêt định sô 712/QĐ- UBND ngày 24/01/2022 và thu hồi đất tại Quyết định số 708, 710/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B.

Về đất: Các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đủ điều kiện cấp giấy và các hộ đã được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD đất thì đủ điêu kiện được bồi thường về đất theo Khoản 1, Điều 75 luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013

Đơn giá: Áp dụng Quyết định số 22/2020/UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk v/v ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày, 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H)

Về kiến trúc: Đối với nhà và vật kiến trúc không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng trên đất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

Về cây trồng: Đối với các loại cây trồng trước thông báo thu hồi đất, trồng đúng mật độ trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường 100% đơn giá. Cây trồng xen tính bằng 80% đơn giá của cây trồng cùng chủng loại và vượt mật độ đến 50% được hỗ trợ 60% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được hỗ trợ 30% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây trồng vượt mật độ trên 100% không được bồi thường và theo thời điểm sử dụng đất *(Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đăk Lắk và căn cứ Mục 5 khoản 9 Điều 1, Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk).* UBND thành phố B đã thực hiện đúng quy trình, đúng với Điều 82 Luật đất đai số 45/QH13 ngày 29/11/2013 khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Quang Đ và ông Lê Ngọc P.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 91/2022/HC- ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N và ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C về yêu cầu hủy:

- Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H);

- Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B.

- Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông Trần Quang Đ và bà Đào Thị N để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B.

- Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thị C để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B.

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết cấp đất tái định cư đối với ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/9/2022, ông Trần Quang Đ và ông Lê Ngọc P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông.

Tại phiên tòa Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Quang Đ và ông Lê Ngọc P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Quang Đ và ông Lê Ngọc P; nhận thấy:

[1.1]. Về yêu cầu hủy Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường đại lộ Đ, thành phố B; xét quy trình ban hành Quyết định nhận thấy:

- Ngày 19/4/2021, UBND thành phố B lập phương án giá đất số 45/PAGĐ-UBND, V/v phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B, kèm theo Báo cáo thuyết minh số 131/BC-UBND; Đồng thời có Tờ trình số 70/TTr-UBND cùng ngày,V/v phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét.

- Ngày 24/5/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1297/STNMT-QLĐĐ gửi Sở Tài chính (cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Đắk Lắk),V/v đề nghị thẩm định điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo đề nghị của UBND thành phố B.

- Ngày 14/6/2021, Hội đồng thẩm định giá tỉnh Đắk Lắk có Báo cáo thẩm định số 1641/BC-HĐTĐGĐ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, V/v thẩm định phương án giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Đ tại xã H, thành phố B.

- Ngày 21/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 239/TTr-STNMT gửi UBND tỉnh, V/v điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường đại lộ Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

- Ngày 01/7/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/202, V/v phê duyệt điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

Từ viện dẫn trên, nhận thấy quy trình ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/202 là phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, ông P về nội dung này.

[1.2]. Về nội dung "sai về diện tích đất bồi thường".

[1.2.1]. Đối với hộ ông Trần Quang Đ.

- Tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất 56, tờ bản đồ 60-1, tên chủ sử dụng Trần Quang Đ do Công ty TNHH Đ thành phố B thực hiện và tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã H thực hiện ngày 16/12/2021, xác định: Diện tích thu hồi là 523,9m^2; trong đó có 445,3m^2 đã được cấp GCNQSDĐ và 14,8m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ đủ điều kiện bồi thường; có 78,6m^2 thuộc chỉ giới đường Quốc lộ không được

công nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cũng thừa nhận "Khi cấp GCNQSDĐ không ghi nhận phần đất này cho ông".

Do đó, tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B quyết định không bồi thường giá trị đất đối với phần diện tích 78,6m^2 là có cơ sở.

[1.2.2]. Đối với hộ ông Lê Ngọc P.

- Tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất 80, tờ bản đồ 60-1, tên chủ sử dụng Lê Ngọc P do Công ty TNHH Đ thành phố B thực hiện và tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã H thực hiện ngày 09/9/2021, xác định: Diện tích đo đạc thực tế là 704,8m^2 nhỏ hơn diện tích trong GCNQSDĐ là 259,2m^2.

Nhận thấy, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình khảo sát, đo đạt, kiểm đếm lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất thu hồi của hộ ông Lê Ngọc P thực hiện không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013; không có biên bản kê khai xác nhận của hộ bị thu hồi đất; khi đo đạc không có sự chứng kiến của người sử dụng đất, dẫn đến việc đo đạc bị thiếu diện tích là 259,2m^2 so với GCNQSDĐ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Lê Ngọc P và dẫn đến khiếu nại kéo dài; do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P về nội dung này.

[1.3]. Về nội dung bồi thường tài sản trên đất:

[1.3.1]. Về nội dung ông P cho rằng việc kiểm kê, đo đạc còn thiếu tài sản của ông là 90,6m^2 sân bê tông: Nhận thấy tại Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình: Đường Đ, thành phố B (Địa bàn xã H – Đợt 9) đối với hộ ông Lê Ngọc P, do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B lập, kèm theo Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B, V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (đợt 9); xác định: T diện tích sân bê tông là 97,82m^2; trong đó có 90,82m^2 là tài sản xây dựng trên diện tích chỉ giới giao thông nên không đủ điều kiện bồi thường. Do đó, yêu cầu của ông P về nội dung này là không có cơ sở.

[1.3.2]. Về đơn giá vật kiến trúc, cây trồng:

- Về vật kiến trúc: UBND thành phố B đã áp dụng theo đúng Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trong đó quy định đối với nhà và vật kiến trúc không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng trên đất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ

30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Về cây trồng: Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đăk Lắk và căn cứ Mục 5 khoản 9 Điều 1, Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk. UBND thành phố B đã thực hiện đúng quy trình, đúng với Điều 82 Luật đất đai số 45/QH13 ngày 29/11/2013 khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B. Đối với các loại cây trồng trước thông báo thu hồi đất, trồng đúng mật độ trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường 100% đơn giá. Cây trồng xen tính bằng 80% đơn giá của cây trồng cùng chủng loại và vượt mật độ đến 50% được hỗ trợ 60% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được hỗ trợ 30% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây trồng vượt mật độ trên 100% không được bồi thường và theo thời điểm sử dụng đất.

Do đó, yêu cầu của ông Trần Quang Đ và ông Lê Ngọc P về nội dung này là không có cơ sở.

[1.4]. Về phương án tái định cư:

- Đối với hộ ông Trần Quang Đ: Tại phiên tòa ông Đ rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

- Đối với hộ ông Lê Ngọc P: Xét thấy tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B, V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Đ, địa bàn xã H, thành phố B (đợt 9) quy định: "Vị trí thu hồi đất thuộc xã Hòa thắng, thành phố B, tuy nhiên do các hộ dân không nhận đất tái định cư ở vị trí khác trên địa bàn thành phố, mà có nhu cầu nhận đất tái định cư tại khu dân cư thôn 1, xã H (hiện nay đang giải phóng mặt bằng, chưa đầu tư cơ sở hạ tầng)...". Như vậy việc tái định cư sẽ được giải quyết sau do yêu cầu của các hộ bị thu hồi đất, chứ không thuộc trường hợp UBND thành phố B không bố trí tái định cư theo quy định pháp luật.

Từ những viện dẫn, phân tích và nhận định từ Mục [1.1] đến Mục [1.4] trên, án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Trần Quang Đ kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông P về nội dung "sai về diện tích đất bồi thường".

[2]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quang Đ phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễm án phí phúc thẩm.

- Ông Lê Ngọc P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Trần Quang Đ; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N.

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông P; sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 69, Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk V/v ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N về yêu cầu hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H);

- Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện

công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đê xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B đối hộ ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N.

- Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông Trần Quang Đ và bà Đào Thị N để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B.

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết cấp đất tái định cư đối với ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C, về yêu cầu hủy các Quyết định sau:

- Hủy Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thị C để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B, để đo đạc lại diện tích đất bị thu hồi.

- Hủy một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đê xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B đối hộ ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thị C.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thị C về yêu cầu hủy Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

5. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền số 0018963 ngày 22/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk (do ông Đỗ Thanh Lâm nộp thay).

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0018966 ngày 22/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk cho ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C (do ông Đỗ Thanh Lâm nộp thay).

4. Về án phí phúc thẩm:

- Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Quang Đ.

- Ông Lê Ngọc P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0021946 ngày 10/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk cho ông Lê Ngọc P.

Bán phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra III– TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Đăk Lăk(để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào